

Sao Đỏ, ngày 20 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục

1.1. Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026

- Ban hành kế hoạch tuyển sinh số 96/KH-THCSSĐ ngày 19/5/2025 về việc tuyển sinh lớp 6 năm học 2025 - 2026. Thực hiện công khai niêm yết tại bảng tin nhà trường, phát thanh trên đài phát thanh phường Sao Đỏ.

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

- Xây dựng kế hoạch số 326/KH-THCSSĐ ngày 10/10/2024 đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh phê duyệt. Thực hiện công khai trong phiên họp hội đồng sư phạm, niêm yết tại bảng tin nhà trường.

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thực hiện công khai trong phiên họp hội đồng sư phạm, niêm yết tại bảng tin nhà trường.

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế

2.1. Kết quả tuyển sinh, sĩ số học sinh.

* Kết quả tuyển sinh:

- Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2024-2025 là: 450 học sinh.

- Số học sinh (Hoàn thành CTTH tại địa phương) chuyển đi: 172 học sinh, trong đó:

+ Đi các trường THCS trong thành phố là: 166 học sinh (gồm THCS Chu Văn An: 131; THCS Cộng Hoà: 04; THCS Chí Minh: 26; An Lạc: 02; Nguyễn Trãi: 01; Tân Dân: 01; Văn Đức: 01).

+ Đi các trường THCS ngoài thành phố là: 06 học sinh (gồm Bắc Ninh: 01; Hà Nội: 04; Thái Nguyên: 01).

- Số học sinh (Hoàn thành CTTH) chuyển đến: 08 học sinh. , trong đó:

+ Đến từ các trường THCS trong thành phố là: 04 học sinh.

+ Đến từ các trường THCS ngoài thành phố là: 04 học sinh.

- Số hồ sơ tiếp nhận: 286

- Số học sinh trúng tuyển là: 286 học sinh.

2.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh cuối năm học 2024-2025

- Kết quả 2 mặt giáo dục xét lần 1 (chưa kiểm tra lại sau ôn tập trong hè)

STT	Tên lớp	Số học sinh	Số học sinh																Thông tư 22											
			Lên lớp		Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện						Danh hiệu							
			SL	TL (%)					Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG	
										SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	1167	1127	96,57		56	23	5	1161	253	21,79	486	41,86	383	32,99	39	3,36	1161	1040	89,58	114	9,82	7	0,6			4	0,34	246	21,19
2	TỔNG KHỐI 6	281	273	97,15		5	2	1	279	60	21,51	142	50,9	69	24,73	8	2,87	279	258	92,47	21	7,53							60	21,51
3	6A	38	37	97,37		3			38	9	23,68	20	52,63	8	21,05	1	2,63	38	36	94,74	2	5,26							9	23,68
4	6B	41	40	97,56		1			40	20	50	13	32,5	6	15	1	2,5	40	36	90	4	10						20	50	
5	6C	39	37	94,87				1	39	4	10,26	24	61,54	9	23,08	2	5,13	39	37	94,87	2	5,13						4	10,26	
6	6D	41	41	100					41	7	17,07	22	53,66	12	29,27			41	39	95,12	2	4,88						7	17,07	
7	6E	42	41	97,62					42	7	16,67	22	52,38	12	28,57	1	2,38	42	39	92,86	3	7,14						7	16,67	
8	6G	40	38	95		1			40	7	17,5	22	55	9	22,5	2	5	40	36	90	4	10						7	17,5	
9	6H	40	39	97,5			2		39	6	15,38	19	48,72	13	33,33	1	2,56	39	35	89,74	4	10,26						6	15,38	
10	TỔNG KHỐI 7	385	369	95,84		24	12		383	100	26,11	135	35,25	132	34,46	16	4,18	383	330	86,16	47	12,27	6	1,57			3	0,78	94	24,54
11	7A	43	42	97,67					43			19	44,19	23	53,49	1	2,33	43	34	79,07	9	20,93								
12	7B	42	40	95,24		6	3		42	1	2,38	14	33,33	25	59,52	2	4,76	42	37	88,1	4	9,52	1	2,38				1	2,38	
13	7C	43	42	97,67		3	2		42	1	2,38	20	47,62	20	47,62	1	2,38	42	38	90,48	3	7,14	1	2,38				1	2,38	
14	7D	44	39	88,64		3	1		44	1	2,27	17	38,64	21	47,73	5	11,36	44	33	75	9	20,45	2	4,55				1	2,27	
15	7E	44	40	90,91					43			21	48,84	18	41,86	4	9,3	43	32	74,42	11	25,58								
16	7G	44	41	93,18		2	1		44			17	38,64	24	54,55	3	6,82	44	36	81,82	6	13,64	2	4,55						
17	7H	42	42	100		1	1		42	25	59,52	16	38,1	1	2,38			42	41	97,62	1	2,38					25	59,52		
18	7I	41	41	100		4	2		41	30	73,17	11	26,83					41	39	95,12	2	4,88					29	70,73		
19	7K	42	42	100		5	2		42	42	100							42	40	95,24	2	4,76				3	7,14	37	88,1	
20	TỔNG KHỐI 8	285	275	96,49		18	6	3	283	51	18,02	101	35,69	121	42,76	10	3,53	283	250	88,34	33	11,66					1	0,35	50	17,67
21	8A	40	37	92,5		3	1	1	40			21	52,5	16	40	3	7,5	40	32	80	8	20								
22	8B	39	36	92,31		3	1		38			9	23,68	26	68,42	3	7,89	38	33	86,84	5	13,16								
23	8C	41	40	97,56		4	2		41			14	34,15	26	63,41	1	2,44	41	33	80,49	8	19,51								
24	8D	42	41	97,62				1	42			15	35,71	26	61,9	1	2,38	42	36	85,71	6	14,29								
25	8E	40	38	95		3	1	1	39			10	25,64	27	69,23	2	5,13	39	33	84,62	6	15,38								
26	8G	42	42	100		2			42	11	26,19	31	73,81					42	42	100							11	26,19		
27	8H	41	41	100		3	1		41	40	97,56	1	2,44					41	41	100						1	2,44	39	95,12	
28	TỔNG KHỐI 9	216	210	97,22		9	3	1	216	42	19,44	108	50	61	28,24	5	2,31	216	202	93,52	13	6,02	1	0,46				42	19,44	
29	9A	44	41	93,18			1		44			19	43,18	22	50	3	6,82	44	38	86,36	6	13,64								
30	9B	43	41	95,35		2	1	1	43	1	2,33	27	62,79	14	32,56	1	2,33	43	39	90,7	4	9,3						1	2,33	
31	9C	43	42	97,67		2			43			17	39,53	25	58,14	1	2,33	43	39	90,7	3	6,98	1	2,33						
32	9D	44	44	100		3	1		44	1	2,27	43	97,73					44	44	100							1	2,27		
33	9E	42	42	100		2			42	40	95,24	2	4,76					42	42	100							40	95,24		

2.3. Tình hình học sinh tốt nghiệp THCS

- Kết quả xét tốt nghiệp lần 1:

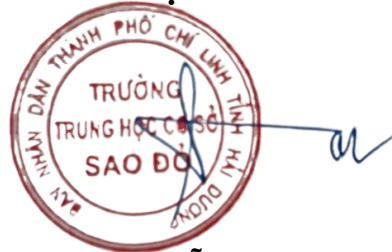
STT	Trường THCS	Số HS lớp 9 (2024-2025)	Số HS dự xét TN THCS (gồm HS 2024-2025 và hs xét lại các năm trước)	Số HS được công nhận tốt nghiệp			Đỗ diện ưu tiên (gồm cả KT)	Đỗ diện HS chưa TN năm trước	Hổng	
				SL	SL nữ	Tỉ lệ %			SL	Tỉ lệ %
1	Sao Đỏ	216	216	210	98	97,2	0	0	6	2,8

- Kết quả học sinh thi vào THPT:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC SINH ĐỔ LỚP 10-THPT - NĂM HỌC 2025-2026														
STT	Lớp	Số học sinh lớp 9 năm 2024-2025	Số HS được công nhận tốt nghiệp (Lần 1)	Tổng hợp số HS đổ vào các trường THPT, TTGDTX, Licogi										Ghi chú (Trượt TN)
				Tổng số	Chi Linh	Trần Phú	Bến Tắm	THPT PL	Nguyễn Thị Duệ	TTGDTX, GDNN	THPT Trí Đức	Licogi	Học trường ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	9A	44	41	40	0	11	2	0	12	8	2	5		3
2	9B	43	41	39	2	12	0	0	13	7	1	4	2	2
3	9C	43	42	42	0	8	2	0	15	10	2	5		1
4	9D	44	44	44	10	26	2	1	4	0	1	0		
5	9E	42	42	42	36	5	1							
Tổng		216	210	207	48	62	7	1	44	25	6	14	2	6
TS HS đổ các trường THPT công lập									162					
HS trượt									48					

Nơi nhận:

- CBGVNV,HS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Văn Oánh**